

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai kinh phí thực hiện hỗ trợ bổ sung đối với người đang thờ cúng liệt sĩ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2025 của Văn phòng Sở

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 04984/QĐ-SNV ngày 18/6/2025 của Sở Nội vụ về việc bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ bổ sung đối với người đang thờ cúng liệt sĩ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2025;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung kinh phí thực hiện hỗ trợ bổ sung đối với người đang thờ cúng liệt sĩ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh năm 2025 của Văn phòng Sở Nội vụ.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng phòng Chính sách và Người có công chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Trang thông tin điện tử Sở;
- Lưu: VT, P.CS&NCC, VP.

Ming

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Bùi Hoàng Linh

Biểu số 2

(Ban hành kèm theo Thông tư số
90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018
của Bộ Tài chính)

Đơn vị: Văn phòng Sở Nội vụ tỉnh Bình Định
Mã QHNS: 1101094

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SNV ngày /6/2025 của Sở Nội vụ)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Phí	
2	Lệ phí	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
1	Chi sự nghiệp	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Phí	
2	Lệ phí	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	507.800
I	Nguồn ngân sách trong nước	507.800
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
1	2	3
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	507.800
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	507.800
	Kinh phí thực hiện hỗ trợ bổ sung đối với người đang thờ cúng liệt sĩ thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo	507.800
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	

Số TT	Nội dung	Tổng số được giao
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	

